

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày 17 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Quyết
Ông Bùi Văn Ôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. BÙI VĂN V1, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1996 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Quách Thị C; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 02/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 27 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. BÙI VĂN V2, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2001 tại Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm C, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Quách Thị T (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V1: Ông Vũ Đình H – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý

nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V2*: Bà Nguyễn Thị Hồng N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo V2 đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

- *Bị hại*: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1972. Có mặt.

Bà Quách Thị C, sinh năm 1973. Có mặt.

Cùng trú tại: Xóm C, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Bùi Văn S, sinh năm 1960. Trú tại: Xóm C, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1976. Trú tại: Xóm C, xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 10/11/2020, Bùi Văn V1 có rủ 03 người là Bùi Văn T1, Bùi Văn T2 và Bùi Văn V2 đến nhà V1 uống rượu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, anh T1, anh T2 đi về còn Bùi Văn V2 vẫn ở lại uống rượu với Bùi Văn V1. Trong lúc còn có hai người uống rượu, V1 và V2 rủ nhau đi Hà Nội tìm việc làm nhưng không có tiền để đi xe. Đến khoảng 01 giờ, ngày 11/11/2020, V1 nảy sinh ý định cạy phá kết sắt của bố mẹ V1 để lấy tiền nên bàn với V2. Sau đó V1 lấy 01 tuốc-nơ-vít trong cốp xe máy để cạy cửa phòng ngủ của bố mẹ V1, lấy cuốc chim để phá kết sắt. V1 và V2 thay nhau cạy phá kết sắt. Sau khi cạy được kết, V1 và V2 đã lấy đi 22.500.000 (*Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn*) đồng gồm các tờ tiền có mệnh giá 500.000 VNĐ. V1 và V2 bỏ ra Hà Nội và dùng số tiền trên chi tiêu cho nhu cầu cá nhân hai bị cáo. Đến ngày 23 và 24 tháng 11 năm 2020, lần lượt Bùi Văn V1, Bùi Văn V2 đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi nêu trên của mình.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc tuốc-nơ-vít, có tổng chiều dài là 13cm, thân 05cm làm bằng kim loại màu trắng có đầu đẹp đường kính 0,4cm, tay cầm 08cm bằng nhựa màu đen; 01 con dao một lưỡi, mũi bằng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có chiều dài 21cm, chỗ rộng nhất 08cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao có chiều dài 12cm, ốp chuôi dao phía ngoài làm bằng gỗ dài 12,8cm, có 03 ốc vít ở chuôi dao, hiện chỉ còn 01 ốc vít còn gắn với chuôi dao; 01 cuốc chim có tổng chiều dài 33cm, có 02 lưỡi trong đó có 01 lưỡi nhọn dài 11cm, chiều dài chỗ rộng nhất 02cm, một đầu hẹp dài 14,5cm, phần đầu là chỗ rộng nhất có chiều dài 05cm, giữa hai góc lưỡi gắn dính với một ô tròn kim loại đường kính 03cm, chiều dài ô kim loại 04cm, trong ô kim loại có một đoạn gỗ đầu trên có vết gãy còn mới, đầu gỗ có chiều dài 04cm; 01 thanh gỗ có tổng dài 75cm, đường kính chỗ rộng nhất 05cm, một đầu thanh gỗ bị gãy, vết gãy còn mới, có bám dính tạp chất màu vàng. Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn chờ xử lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 39 ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc kết sắt bị phá có giá trị tại thời điểm định giá là 900.000 (*Chín trăm nghìn*) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Văn V1 sau khi từ Hà Nội về đã trả lại gia đình 4.500.000 đồng và bị hại không có yêu cầu bị cáo Bùi Văn V1 về trách nhiệm dân sự. Đối với bị cáo Bùi Văn V2, bị hại yêu cầu Bùi Văn V2 bồi thường 9.000.000 đồng tiền bị cáo đã trộm cắp và 600.000đ tiền thiệt hại kết sắt. Tổng cộng là 9.600.000 đồng. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo Bùi Văn V2 và gia đình đã bồi thường cho bị hại được 3.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 12/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố các bị cáo Bùi Văn V1, Bùi Văn V2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Xác định các bị cáo là sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Đối với bị cáo Bùi Văn V2 còn được đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đối với bị cáo Bùi Văn V1 có ông bà nội là người có công. Bị cáo Bùi Văn V2 có ông nội là người có công. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sau khi phạm tội đã đầu thú. Đây là những tình tiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn V1 từ 18 tháng đến 21 tháng tù, xử phạt bị cáo Bùi Văn V2 từ 15 đến 18 tháng tù và cho Bùi Văn V2 được hưởng án treo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Về tang vật của vụ án: các vật chứng là vật dụng trong gia đình bị hại, bị hại có yêu cầu nhận lại những vật dụng trên nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị hại. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu của bị hại đối với bị cáo V2 là có căn cứ, phù hợp với thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V1 nhất trí nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ Đại diện Viện kiểm sát đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo V1 là: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, gia đình bị cáo luôn chấp hành tốt các chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn V1 ở mức 21 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V2 qua bản luận cứ bào chữa đã gửi cho Tòa án đã nhất trí với nội dung Cáo trạng phản ánh, nhất trí với tội danh và điều khoản luật áp dụng đối với bị cáo Bùi Văn V2; đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

là: sau khi phạm tội, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có ông nội là người có công theo các quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại giữ nguyên ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị hại giữ nguyên yêu cầu bồi thường đối với bị cáo Bùi Văn V2; xác nhận gia đình bị cáo V2 đã bồi thường thêm được 1.500.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng, yêu cầu bồi thường tiếp 5.100.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Bùi Văn V2 bồi hoàn lại khoản tiền 4.500.000 đã bồi thường thay cho bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; các bị cáo nhận tội, không kêu oan, bị cáo Bùi Văn V2 chấp nhận mức bồi thường cho bị hại. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bất khả kháng (cách ly dịch bệnh Covid-19) nhưng đã gửi trước bản bào chữa và bị cáo Bùi Văn V2 đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra nên phiên tòa vẫn được xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 291 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố Tụng hình sự.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Ngày 11/11/2020 Bùi Văn V1, Bùi Văn V2 đã lợi dụng sự vắng mặt của chủ sở hữu tài sản, cùng nhau cậy cửa, phá két sắt lấy đi 22.500.000 (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, làm hỏng két sắt có giá trị 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tang vật thu giữ. Giá trị tài sản trộm cắp nằm trong khoảng từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật

hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo:* Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đồng thời đề răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:* Trong vụ án các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm nhưng các bị cáo nảy sinh ý định phạm tội tức thì, không có sự bàn bạc từ trước, không có phân công phân nhiệm, kế hoạch rõ ràng nên chỉ đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, trong vụ án vai trò chính thuộc về bị cáo Bùi Văn V1; bản thân V1 là người rủ bị cáo V2 về nhà uống rượu, là người nảy sinh ý định và khởi xướng việc phá két lấy tiền, là người chuẩn bị công cụ phạm tội và cũng tham gia thực hiện việc phá két lấy tiền. Do vậy, bị cáo Bùi Văn V1 phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức cao hơn bị cáo Bùi Văn V2. Đối với Bùi Văn V2, sau khi tiếp nhận ý trí từ bị cáo V1 đã tham gia với vai trò đồng phạm là người thực hành, giúp sức tích cực cho bị cáo V1. Do vậy, bị cáo Bùi Văn V2 phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Các bị cáo sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Bùi Văn V2 từ trước đến nay chưa từng phạm tội, lần phạm tội này bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra, các bị cáo sau khi phạm tội đã đầu thú; các bị cáo là đều là người dân tộc thiểu số và sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Bùi Văn V1 có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có bà nội được tặng Bằng khen vì có thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Bùi Văn V2 có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; các bị cáo đều được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, đối với bị cáo Bùi Văn V1 về nhân thân đã từng bị xử phạt 27 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, không tự giáo dục, cải tạo để trở thành công dân có ích mà vẫn tiếp tục phạm tội chiếm đoạt tài sản. Do đó, bị cáo, người bào chữa

cho bị cáo xin cho bị cáo Bùi Văn V1 được hưởng án treo trong vụ án này là không tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; không có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Đối với bị cáo Bùi Văn V2 ngoài lần phạm tội này luôn chấp đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V2, của bị cáo Bùi Văn V2 xin hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án là 01 chiếc tuốc-nơ-vít; 01 con dao; 01 cuốc chim; 01 thanh gỗ là các vật dụng thuộc sở hữu của gia đình bị hại. Các bị hại đều có ý kiến xin nhận lại các vật dụng trên. Xét các vật chứng nêu trên còn giá trị sử dụng và các bị hại không có lỗi trong việc để các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị hại.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại có yêu cầu bị cáo Bùi Văn V2 bồi thường số tiền 9.000.000 đồng tiền bị cáo đã trộm cắp và 600.000 đồng tiền thiệt hại kết sắt. Tổng cộng là 9.600.000 đồng; đã bồi thường được thêm 4.500.000 đồng, yêu cầu bồi thường tiếp 5.100.000 đồng. Xét thiệt hại là số tiền các bị cáo trộm cắp 22.500.000 đồng, đã trả lại cho bị hại 4.500.000 đồng, còn 18.000.000 đồng các bị cáo đã sử dụng hết nên mỗi bị cáo phải bồi thường 9.000.000 đồng cho các bị hại; các bị hại yêu cầu bị cáo Bùi Văn V2 bồi thường 9.000.000 đồng do trộm cắp là có căn cứ. Giá trị của kết sắt tại thời điểm định giá có giá trị 900.000 đồng; mỗi bị cáo phải bồi thường 450.000 đồng nhưng bị cáo V2 chấp nhận mức bồi thường 600.000 đồng. Đây là ý kiến tự nguyện của bị cáo V2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bị hại không yêu cầu bị cáo Bùi Văn V1 bồi thường. Xét đây là ý kiến tự nguyện của các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Bùi Văn V2 bồi hoàn lại khoản tiền 4.500.000 đã bồi thường thay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Bùi Văn V2 còn bị buộc trách nhiệm dân sự nên còn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Văn V1;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Văn V2;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn V1, Bùi Văn V2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn V1 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn V2 16 (Mười sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 32 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Văn V2 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Bùi Văn V2 thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Bùi Văn V2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo.

3. Về tang vật của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: Trả lại cho các bị hại Bùi Văn L, Quách Thị C:

+ 01 chiếc tuốc-nơ-vít, có tổng chiều dài là 13cm, thân 05cm làm bằng kim loại màu trắng có đầu đẹp đường kính 0,4cm, tay cầm 08cm bằng nhựa màu đen;

+ 01 con dao một lưỡi, mũi bằng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có chiều dài 21cm, chỗ rộng nhất 08cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao có chiều dài 12cm, ốp chuôi dao phía ngoài làm bằng gỗ dài 12,8cm, có 03 ốc vít ở chuôi dao, hiện chỉ còn 01 ốc vít còn gắn với chuôi dao;

+ 01 cuốc chim có tổng chiều dài 33cm, có 02 lưỡi trong đó có 01 lưỡi nhọn dài 11cm, chiều dài chỗ rộng nhất 02cm, một đầu hẹp dài 14,5cm, phần đầu là chỗ rộng nhất có chiều dài 05cm, giữa hai góc lưỡi gắn dính với một ô tròn kim loại đường kính 03cm, chiều dài ô kim loại 04cm, trong ô kim loại có một đoạn gỗ đầu trên có vết gãy còn mới, đầu gỗ có chiều dài 04cm;

+ 01 thanh gỗ có tổng dài 75cm, đường kính chỗ rộng nhất 05cm, một đầu thanh gỗ bị gãy, vết gãy còn mới, có bám dính tạp chất màu vàng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng số 35 và Phiếu nhập kho số NK 0033 ngày 16/4/2021).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 275, khoản 1 Điều 584; Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Văn V2 có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Bùi Văn L, Quách Thị C số tiền 9.000.000 đồng là tiền bị cáo đã trộm cắp và 600.000đ tiền thiệt hại kết sắt. Tổng cộng là 9.600.000 (*Chín triệu, sáu trăm nghìn*) đồng là thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra ngày 11/11/2020; đã bồi thường được 4.500.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 5.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải

chịu thêm khoản tiền lãi của khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn V1, Bùi Văn V2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn V2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Các bị cáo; Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Phạm Cao Sơn